TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦ THỪA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Mạnh Quyết

2. Ông Nguyễn Hồng Phong

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 về việc "*Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Trần Thị Diễm P, sinh năm 1980;

Địa chỉ: 6/107 khu phố 3 Nhà Thương thị trấn T huyện T tỉnh Long An (vắng mặt – có đơn xin vắng).

2. Bị đơn: ông Trần Đại N, sinh năm 1980;

Địa chỉ: A8/3A ấp 1 đường 1A xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 6/107 khu phố 3 Nhà Thương thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/6/2020, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Diễm P trình bày:

Bà và ông N xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2001, được gia đình hai bên đồng ý, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thủ Thừa vào ngày 30/9/2002. Sau khi cưới vợ chồng sống tại thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 2002 vợ chồng về thị trấn Thủ Thừa sống. Cuộc sống chung của

vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông N có quan hệ với người phụ nữ khác và thường xuyên nhậu nhẹt nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Bà và ông N đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017. Từ đó đến nay bà và ông N cũng có gặp nhau nhưng bà không có ý muốn hàn gắn lại hạnh phúc. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông N.

Về con chung: bà và ông N có 02 con chung tên Trần Mộng Tuyền, sinh ngày: 14/01/2002 hiện nay đã trưởng thành và Trần Đại Khang, sinh năm: 2008, sau khi ly hôn bà yêu cầu nuôi cháu Khang, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà và ông N có tài sản chung nhưng bà không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn ông Trần Đại N không có lời trình bày.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tiến hành hòa giải được vì ông Trần Đại N vắng mặt không có lý do nên Tòa án quyết định đưa ra vụ án xét xử.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị Kim Loan – đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Riêng bị đơn mặc dù đã được tòa án tống đạt văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Diễm P là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận cho bà Phấn được ly hôn với ông Trần Đại N. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Trần Đại Khang, sinh năm: 2008 cho bà Phấn được tiếp tục nuôi dưỡng. Về phần cấp dưỡng nuôi con: bà Phấn không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu xem xét nên không giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp trong vụ án là: Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); Bản sao giấy khai sinh của con chung; Bản sao sổ hộ khẩu và CMND của bà Phấn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Trần Thị Diễm P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Đại N. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị Diễm P vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại biên bản xác minh ngày 09/6/2020 của Công an thị trấn Thủ Thừa xác nhận ông Trần Đại N đang sinh sống tại địa chỉ 6/107 khu phố 3 Nhà Thương thị trấn Thủ Thừa huyện Thủ Thừa. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông N, ông N đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án, về phiên kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, về thời gian xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt, cũng không có lời trình bày hay ý kiến phản hồi gửi cho Tòa án. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Phấn và ông N.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của bà Phấn, thấy rằng: bà Phấn và ông N xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2001, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Thủ Thừa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/9/2002 nên hôn nhân của bà Phấn và ông N là hôn nhân hợp pháp. Theo bà Phấn trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N có quan hệ với người phụ nữ khác và thường xuyên nhậu nhẹt nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Bà và ông N đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017. Từ đó đến nay bà và ông N cũng có gặp nhau nhưng bà không có ý muốn hàn gắn lại hạnh phúc. Về phía ông N, từ khi bà Phấn nộp đơn khởi kiện đến nay mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết rõ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phấn nhưng ông N cũng không có ý kiến gì, liên tiếp vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cho thấy ông N không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng và gìn giữ cuộc hôn nhân này. Căn cứ vào nguyên nhân mâu thuẫn mà bà Phấn đã trình bày chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Phấn và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phấn là phù hợp.

[3] Về con chung: bà Phấn trình bày có 02 con chung tên Trần Mộng Tuyền, sinh ngày: 14/01/2002 hiện nay đã trưởng thành và Trần Đại Khang, sinh ngày: 30/12/2008, hiện đang sống với bà Phấn. Sau khi ly hôn, bà Phấn yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Khang. Xét thấy, hiện cháu Khang đang sống với bà Phấn, cuộc sống đã ổn định, cháu vẫn phát triển bình thường , khả năng bà Phấn có thể chăm sóc con chung tốt. Mặc khác tại bản tự khai của cháu Khang cũng trình bày có nguyện vọng được sống với bà Phấn. Ông N đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng thể hiện yêu cầu nuôi con của bà Phấn nhưng không có ý kiến phản hồi gì. Do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu Khang cho bà Phấn được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: bà Phấn không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: bà và ông N có tài sản chung nhưng bà không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: bà Trần Thị Diễm P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Diễm P về việc *"Ly hôn"* với ông Trần Đại N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Diễm P được ly hôn với ông Trần Đại N.

2. Về con chung: giao bà Trần Thị Diễm P tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Đại Khang, sinh ngày: 30/12/2008.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Trần Đại N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Toà án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Diễm P chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007271 ngày 17/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, bà Trần Thị Diễm P đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Trần Thị Diễm P và ông Trần Đại N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- THA huyện Thủ Thừa;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

- UBND thị trấn Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu án văn.

Ngô Thị Thùy Diễm